

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Cục Hàng không Việt Nam**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ; Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Quyết định số 2083/QĐ-TTg ngày 25/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiện toàn Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam tại Tờ trình số 1701/TTr-CHK ngày 06/4/2023;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Cục Hàng không Việt Nam là tổ chức trực thuộc Bộ Giao thông vận tải, thực hiện chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (sau đây gọi tắt là Bộ trưởng) quản lý nhà nước về hàng không dân dụng trong phạm vi cả nước; trực tiếp thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của Nhà chức trách hàng không theo quy định của pháp luật và Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Cục Hàng không Việt Nam có tư cách pháp nhân, có con dấu hình Quốc huy; có tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước, có trụ sở tại thành phố Hà Nội.

3. Cục Hàng không Việt Nam có tên giao dịch quốc tế là “Civil Aviation Authority of Vietnam”.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Nhà chức trách hàng không theo quy định tại Nghị định số 66/2015/NĐ-CP ngày 12/8/2015 của Chính phủ quy định về Nhà chức trách hàng không.

2. Xây dựng đề Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch trung hạn và hàng năm; các chương trình, dự án quốc gia, đề án phát triển, cơ chế, chính sách về hàng không dân dụng.

3. Xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành hàng không dân dụng trình Bộ trưởng ban hành theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền thẩm định, công bố; tổ chức xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở chuyên ngành hàng không dân dụng.

4. Tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chương trình, quy hoạch, kế hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành hàng không dân dụng sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành.

5. Kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến ngành hàng không dân dụng, đề xuất phương án xử lý những quy phạm pháp luật mâu thuẫn, chồng chéo, trái pháp luật hoặc không còn phù hợp và kiểm soát thủ tục hành chính lĩnh vực hàng không dân dụng theo quy định của pháp luật; theo dõi tình hình thi hành pháp luật, thực hiện pháp luật trong lĩnh vực hàng không dân dụng, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng.

6. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hàng không dân dụng; ban hành các tài liệu, sổ tay hướng dẫn về bảo đảm an ninh, an toàn hàng không, khai thác cảng hàng không, sân bay, bảo đảm hoạt động bay, vận chuyển hàng không.

7. Về quản lý cảng hàng không, sân bay và tài sản kết cấu hạ tầng hàng không:

a) Xây dựng, trình Bộ Giao thông vận tải đề án quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc, quy hoạch cảng hàng không, sân bay (trừ sân bay chuyên dùng);

b) Thẩm định, trình Bộ Giao thông vận tải đề trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc mở, đóng cảng hàng không, sân bay; tổ chức công bố việc đóng cảng hàng không, sân bay (trừ sân bay chuyên dùng); thực hiện nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành trong việc góp ý kiến đối với dự án xây dựng công trình cảng hàng không, sân bay theo phân công, phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng; quyết định đưa vào khai thác, ngừng khai thác công trình hàng không theo quy định của pháp luật;



c) Quản lý, giám sát thực hiện quy hoạch cảng hàng không, sân bay (trừ sân bay chuyên dùng); công bố quy hoạch cảng hàng không, sân bay, cấp sân bay và thông số kỹ thuật của cảng hàng không, sân bay; công bố năng lực khai thác của cảng hàng không, sân bay; tổ chức quản lý sử dụng đất cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật;

d) Chủ trì, phối hợp hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng hàng không, sân bay; chỉ đạo bố trí nơi làm việc cho các cơ quan quản lý nhà nước làm việc thường xuyên tại cảng hàng không, sân bay; chỉ đạo, hướng dẫn Cảng vụ hàng không thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công theo quy định;

đ) Phối hợp với ủy ban nhân dân các cấp và cơ quan có thẩm quyền quản lý khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay;

e) Chỉ đạo việc thiết lập, bảo vệ, duy trì chất lượng hệ thống thông tin bảo đảm hoạt động khai thác tại cảng hàng không, sân bay; việc nối mạng dữ liệu tại cảng hàng không, sân bay; quản lý số liệu thống kê về lưu lượng chuyên bay, hành khách, hàng hóa thông qua cảng hàng không, sân bay;

g) Quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng.

8. Về quản lý vận chuyển hàng không và hàng không chung:

a) Xây dựng, trình Bộ Giao thông vận tải chính sách phát triển vận chuyển hàng không và hàng không chung; tổ chức thực hiện các biện pháp phát triển thị trường vận chuyển hàng không;

b) Thẩm định, trình Bộ Giao thông vận tải hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung; đề nghị Bộ Giao thông vận tải hủy bỏ Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung; tổ chức đăng ký Điều lệ vận chuyển của các hãng hàng không theo quy định;

c) Trình Bộ Giao thông vận tải chỉ định hãng hàng không Việt Nam khai thác đường bay đến các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng núi, vùng sâu, vùng xa có nhu cầu thiết yếu về vận chuyển hàng không công cộng;

d) Cấp, cấp lại, hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại;

đ) Cấp, cấp lại, thu hồi Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, văn phòng bán vé cho hãng hàng không nước ngoài; Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp;

e) Tổ chức cấp, thu hồi, điều chỉnh quyền vận chuyển hàng không; phê duyệt các hợp đồng hợp tác liên quan đến quyền vận chuyển hàng không, kinh doanh

hàng không chung; chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay giữa tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài.

9. Về quản lý tàu bay và khai thác tàu bay:

- a) Quản lý giao dịch bảo đảm đối với tàu bay theo quy định của pháp luật;
- b) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thiết kế, sản xuất, thử nghiệm tàu bay, trang bị, thiết bị lắp trên tàu bay.

10. Về quản lý hoạt động bay:

a) Xây dựng, trình Bộ Giao thông vận tải phương án thiết lập, điều chỉnh, hủy bỏ, công bố đường hàng không; vùng trời sân bay; vùng trời cho hoạt động hàng không chung; vùng thông báo bay đề nghị Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế giao Việt Nam quản lý;

b) Thẩm định, trình Bộ Giao thông vận tải đề án thành lập và hoạt động của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay; hướng dẫn, chỉ đạo việc thiết lập cơ sở, hệ thống thiết bị kỹ thuật và công tác cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay; hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến quản lý hoạt động bay;

c) Quản lý việc tổ chức khai thác đường hàng không, vùng trời sân bay, vùng trời cho hoạt động hàng không chung trong vùng trời Việt Nam, vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý; cấp, sửa đổi, hủy bỏ phép bay hàng không dân dụng và ban hành, phối hợp ban hành phương thức bay tại sân bay, quy chế bay trong khu vực sân bay theo quy định;

d) Thiết lập, điều chỉnh, hủy bỏ, công bố, phân công khu vực trách nhiệm của cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay; công bố hoặc thông báo khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay, khu vực nguy hiểm, khu vực xả nhiên liệu, thả hành lý, hàng hóa từ tàu bay; công bố các bề mặt giới hạn chướng ngại vật hàng không và danh mục chướng ngại vật tự nhiên, nhân tạo có thể ảnh hưởng đến an toàn hoạt động bay;

đ) Phối hợp với cơ quan, đơn vị của Bộ Quốc phòng và cơ quan liên quan khác trong việc tổ chức, sử dụng vùng trời, thiết lập, công bố, quản lý bề mặt giới hạn chướng ngại vật hàng không và danh mục chướng ngại vật tự nhiên, nhân tạo có thể ảnh hưởng đến an toàn của hoạt động bay hàng không dân dụng; phối hợp quản lý hoạt động bay dân dụng và quân sự, quản lý hoạt động bay đặc biệt, tìm kiếm cứu nạn, quản lý, sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ hàng không theo quy định.

11. Về an toàn hàng không:

a) Xây dựng, trình Bộ Giao thông vận tải ban hành chương trình an toàn hàng không quốc gia, chương trình an toàn đường cất hạ cánh; tổ chức, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện;



b) Tổ chức cung cấp dịch vụ đọc, kiểm tra và phân tích tham số bay, thiết bị ghi âm buồng lái của tàu bay cho người khai thác tàu bay;

c) Tổ chức kiểm tra về an toàn, vệ sinh lao động trên phương tiện vận tải đường hàng không; thực hiện khai báo, điều tra tai nạn lao động trên phương tiện vận tải đường hàng không theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

12. Về an ninh hàng không:

a) Xây dựng, trình Bộ Giao thông vận tải ban hành Chương trình an ninh hàng không Việt Nam, Chương trình kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, Chương trình đào tạo huấn luyện an ninh hàng không Việt Nam; tổ chức, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện;

b) Hướng dẫn, chỉ đạo công tác kiểm soát an ninh nội bộ đối với nhân viên hàng không; công tác bảo vệ hệ thống thông tin chuyên ngành hàng không;

c) Phối hợp với cơ quan, đơn vị của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính và cơ quan có liên quan khác trong việc đánh giá nguy cơ uy hiếp an ninh hàng không để tính toán mức độ rủi ro đối với hoạt động hàng không dân dụng; phòng ngừa và đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng; duy trì trật tự kỷ luật tại cảng hàng không, sân bay, trên tàu bay;

d) Thẩm định thiết kế đối với kết cấu hạ tầng hàng không về các yêu cầu, tiêu chuẩn an ninh hàng không;

đ) Quyết định cấm vận chuyên bằng đường hàng không đối với các đối tượng vi phạm pháp luật theo quy định;

e) Quyết định áp dụng, hủy bỏ cấp độ kiểm soát an ninh hàng không tăng cường theo quy định.

13. Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan tham mưu, giúp việc cho Bộ Giao thông vận tải để Bộ thực hiện chức năng là cơ quan thường trực của Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia (sau đây gọi tắt là Ủy ban); đảm nhiệm vai trò là Văn phòng Ủy ban:

a) Nghiên cứu, đề xuất phương hướng, giải pháp để giải quyết những vấn đề quan trọng, liên ngành thuộc lĩnh vực đảm bảo an ninh hàng không; các vướng mắc phát sinh giữa các Bộ, ngành và các cơ quan, tổ chức liên quan trong quá trình thực hiện các quy định của pháp luật về an ninh hàng không;

b) Tham mưu, hướng dẫn việc thực hiện Phương án khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng và đánh giá rủi ro, mức độ, nguy cơ uy hiếp an ninh hàng không; điều phối hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục của ngành hàng không dân dụng;



c) Chuẩn bị chương trình, nội dung, kết luận các cuộc họp, hội nghị của Ủy ban; đơn đốc, kiểm tra, giám sát các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện các quyết định, kết luận của Ủy ban;

d) Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác, dự toán kinh phí và các điều kiện vật chất cần thiết khác cho hoạt động hàng năm của Ủy ban trình các cấp có thẩm quyền;

đ) Báo cáo và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ trưởng - Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban trong triển khai thực hiện những nhiệm vụ tại khoản này.

14. Về bảo vệ môi trường:

a) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền pháp luật về bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm, ứng phó biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí CO₂ trong hoạt động hàng không dân dụng;

b) Tổ chức thực hiện quản lý về bảo vệ môi trường trong hoạt động hàng không dân dụng thuộc phạm vi, thẩm quyền được giao theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

15. Về phát triển nguồn nhân lực ngành hàng không:

a) Tham mưu, trình Bộ Giao thông vận tải ban hành chính sách, biện pháp phát triển nguồn nhân lực ngành hàng không; theo dõi và đơn đốc thực hiện;

b) Hướng dẫn, chỉ đạo công tác đào tạo, huấn luyện nhân viên hàng không; chủ trì công tác phối hợp giữa các đơn vị trong ngành hàng không trong việc đào tạo nhân viên hàng không theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện nội bộ cho các đơn vị thuộc Cục.

16. Về quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực hàng không:

a) Thực hiện thẩm quyền quyết định đầu tư, nhiệm vụ của chủ đầu tư, nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với công tác bảo trì kết cấu hạ tầng hàng không và dự án đầu tư xây dựng công trình hàng không cụ thể theo phân công, phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng;

b) Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng đối với dự án đầu tư xây dựng theo phương thức đối tác công tư về hàng không dân dụng theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng;

c) Lập, trình Bộ Giao thông vận tải kế hoạch thực hiện quy hoạch; giám sát việc thực hiện đầu tư xây dựng theo quy định về hàng không dân dụng được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.



17. Về giá, phí, lệ phí:

- a) Xây dựng, trình Bộ Giao thông vận tải để Bộ đề nghị Bộ Tài chính quy định mức phí, lệ phí chuyên ngành hàng không theo quy định;
- b) Thẩm định phương án giá, trình Bộ trưởng quyết định giá dịch vụ trong lĩnh vực hàng không theo quy định;
- c) Quản lý giá, phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không theo quy định.

18. Về hợp tác quốc tế:

- a) Xây dựng, trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt chương trình, kế hoạch hợp tác quốc tế về hàng không và tổ chức thực hiện;
- b) Xây dựng, trình Bộ Giao thông vận tải đề xuất việc ký kết hoặc gia nhập các điều ước quốc tế về hàng không;
- c) Tham gia đàm phán điều ước quốc tế theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng; tổ chức đàm phán, ký kết thỏa thuận, chương trình hợp tác quốc tế về hàng không theo quy định;
- d) Tổ chức thực hiện điều ước quốc tế, quy định, nghị quyết, tiêu chuẩn, khuyến cáo thực hành, hướng dẫn của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế và các tổ chức hàng không quốc tế khác mà Việt Nam tham gia; thực hiện các thỏa thuận quốc tế về hàng không mà Việt Nam đã ký kết, gia nhập.

19. Tham gia Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn của Bộ Giao thông vận tải.

20. Tổ chức thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực hàng không dân dụng; xây dựng, triển khai chương trình, dự án ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu, dịch vụ thông tin phục vụ công tác quản lý và khai thác trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

21. Thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị, thực hiện phòng, chống tham nhũng, xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

22. Xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình cải cách hành chính của Cục theo mục tiêu, nội dung chương trình cải cách hành chính của Nhà nước và của Bộ Giao thông vận tải.

23. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, công chức, viên chức, người lao động; thực hiện chế độ tiền lương, các chế độ, chính sách đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức, người lao động của Cục theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng;



24. Về tài chính, tài sản công:

a) Quản lý tài chính, tài sản và nguồn ngân sách được giao theo quy định của pháp luật; được sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước cấp, từ nguồn thu phí của Cảng vụ hàng không, nguồn thu từ phí, lệ phí và các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật;

b) Cục Hàng không Việt Nam được áp dụng cơ chế tài chính đặc thù theo quy định của cấp có thẩm quyền;

c) Tổ chức thực hiện việc thu, nộp, điều chuyển các khoản phí, lệ phí và quản lý, sử dụng nguồn thu phí được để lại theo quy định của pháp luật.

25. Là cơ quan kiểm tra, giám sát và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của các Cảng vụ hàng không tại các cảng hàng không, sân bay trên cả nước.

26. Thực hiện công tác thống kê, báo cáo, lưu trữ hồ sơ, tài liệu theo quy định.

27. Được trực tiếp quan hệ với các cơ quan nhà nước có liên quan để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật.

28. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Bộ trưởng giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Phòng Kế hoạch - Đầu tư.
2. Phòng Tài chính.
3. Phòng Tổ chức cán bộ.
4. Phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay.
5. Phòng Tiêu chuẩn an toàn bay.
6. Phòng Quản lý hoạt động bay.
7. Phòng Vận tải hàng không.
8. Phòng An ninh hàng không.
9. Phòng Khoa học, Công nghệ và Môi trường.
10. Phòng Pháp chế - Hợp tác quốc tế.
11. Văn phòng.



12. Thanh tra Cục Hàng không Việt Nam.
13. Cảng vụ hàng không miền Bắc.
14. Cảng vụ hàng không miền Trung.
15. Cảng vụ hàng không miền Nam.
16. Trung tâm Y tế hàng không.

Các tổ chức quy định từ khoản 1 đến khoản 11 Điều này là tổ chức giúp Cục trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước; tổ chức quy định tại khoản 12 Điều này là cơ quan của Cục, thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước mà Cục được phân cấp quản lý; các tổ chức quy định từ khoản 13 đến khoản 15 Điều này là tổ chức hành chính tương đương chi cục; tổ chức quy định tại khoản 16 Điều này là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Cục.

Bộ trưởng quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức quy định tại Điều này theo quy định của pháp luật; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Cảng vụ hàng không, Thanh tra Cục Hàng không Việt Nam và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Cục theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam.

Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức còn lại thuộc Cục.

Điều 4. Lãnh đạo Cục

1. Cục Hàng không Việt Nam có Cục trưởng và các Phó Cục trưởng.

Số lượng Phó Cục trưởng thực hiện theo quy định của pháp luật và của Bộ Giao thông vận tải.

Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam do Bộ trưởng quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động theo quy định của pháp luật.

Phó Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam do Bộ trưởng quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam.

2. Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Cục. Phó Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam chịu trách nhiệm trước Cục trưởng và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công phụ trách.

3. Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc Cục theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng.



Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định sau:

a) Quyết định số 2606/QĐ-BGTVT ngày 07/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hàng không Việt Nam;

b) Quyết định số 1055/QĐ-BGTVT ngày 31/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2606/QĐ-BGTVT ngày 07/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hàng không Việt Nam;

c) Quyết định số 1824/QĐ-BGTVT ngày 23/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc sáp nhập phòng Pháp chế với phòng Hợp tác quốc tế và đổi tên thành Phòng Pháp chế - Hợp tác quốc tế thuộc Cục Hàng không Việt Nam.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như khoản 3 Điều 5;
- Các Thứ trưởng;
- Đảng ủy Bộ GTVT;
- Công đoàn GTVT Việt Nam;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, TCCB (TA 05b).

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Văn Thắng